TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ H** **TỈNH QUẢNG NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2020/KDTM-ST
Ngày: 15/5/2020
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Mai Lan

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thu Hà

2. Bà Nguyễn Thị Tiến

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Đặng Thị Lan Hương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa: Bà Vũ Ngọc Quyên - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 5 năm 2020 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 41/2019/TLST-KDTM ngày 23/8/2019 về tranh chấp hợp đồng tín dụng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2020/QĐST-KDTM ngày 24/02/2020 và các quyết định hoãn phiên tòa số 35/2020/QĐST-KDTM ngày 18/3/2020, số 48/2020/QĐST-KDTM ngày 17/4/2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần K Việt Nam (viết tắt là: Ngân hàng TMCP K Việt Nam)

Địa chỉ trụ sở: số 191 B, quận H, thành phố Hà Nội

Người đại diện theo ủy quyền: bà Phạm Thị C và bà Nguyễn Thị Lan H - chức vụ: cán bộ xử lý nợ - Ngân hàng TMCP K Việt Nam

Có mặt tại phiên tòa

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị N

Địa chỉ: Tổ 75 khu 9 phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh

Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các lời khai, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 13/7/2015 Ngân hàng TMCP K Việt Nam và bà Nguyễn Thị N ký Hợp đồng tín dụng số TNN20150410/HĐTD, số tiền vay: 630.000.000 đồng, thời hạn vay 84 tháng; ngày nhận nợ: 14/7/2015, mục đích: hộ kinh doanh vay món.

Tài sản bảo đảm cho nghĩa vụ tín dụng của bà Nguyễn Thị N là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với thửa đất số 01, tờ bản đồ số 01, diện tích 635 m2, tại địa chỉ: thôn 3, xã H, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BX 182068, số vào sổ cấp GCN: CH 01755 do UBND thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 26/6/2015. Theo Hợp đồng thế chấp tài sản bảo đảm là bất động sản số công chứng: 1147.2015/HĐGD Quyển số 02 ngày 14/7/2015 tại Văn phòng Công chứng Đ, tỉnh Quảng Ninh giữa T và bà Nguyễn Thị N, đã đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 14/07/2015 tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thị xã Đ.

Ngày 30/01/2016 Ngân hàng TMCP K Việt Nam và bà Nguyễn Thị N tiếp tục ký kết Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số TNN20160051/HĐTD, số tiền vay: 282.000.000 đồng và ký hợp đồng thế chấp tài sản đảm bảo số TTNN20160052 ngày 30/01/2016, tài sản thế chấp là 01 xe ô tô nhãn hiệu TMT KM7560T, BKS 14C-149.43 giấy đăng ký do phòng cảnh sát giao thông công an tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 28/01/2016 mang tên Nguyễn Thị N.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bà Nguyễn Thị N đã không thực hiện trả nợ theo như cam kết. Ngân hàng TMCP K Việt Nam đã gửi nhiều thông báo yêu cầu trả nợ nhưng bà N không thực hiện. Qua tìm kiếm thông tin về tài sản thế chấp, Ngân hàng TMCP K Việt Nam phát hiện xe ô tô BKS 14C-149.43 bị tai nạn và phải đưa vào gara ô tô T ở khu 10 phường Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh để sửa chữa. Ngày 11/4/2017 bà Nguyễn Thị N đã ký biên bản tự nguyện bàn giao xe ô tô cho Ngân hàng TMCP K Việt Nam để xử lý nợ theo các thỏa thuận trong hợp đồng thế chấp đã ký giữa hai bên. Ngày 21/11/2019 đã bán đấu giá thành công xe ô tô BKS 14C-149.43 theo đúng quy định, số tiền thu được là 92.750.000đ, sau khi trừ đi các chi phí liên quan đến việc bán xe là 51.544.000đ, còn lại số tiền 41.206.000đ Ngân hàng TMCP K Việt Nam đã trừ vào số nợ gốc cho bà Nguyễn Thị N. Như vậy là xe ô tô BKS 14c-149.43 đã được Ngân hàng TMCP K Việt Nam xử lý xong để thu hồi nợ.

Do bà N vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng TMCP K Việt Nam khởi kiện đến Tòa án nhân dân thành phố H yêu cầu bà N phải thanh toán toàn bộ số nợ của hai hợp đồng tín dụng nói trên cho Ngân hàng TMCP K Việt Nam.

Tại phiên tòa, Ngân hàng TMCP K Việt Nam rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với bà Nguyễn Thị N. Cụ thể: không yêu cầu bà Nguyễn Thị N phải thanh toán

lãi phạt (số tiền lãi phạt tính đến hết ngày 15/5/2020 là 74.183.057 đ) và không yêu cầu bà Nguyễn Thị N thanh toán tiền phạt vi phạm hợp đồng là 62.812.270 đ.

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn tại phiên tòa là:

-Bà Nguyễn Thị N phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP K Việt Nam số tiền nợ của 2 hợp đồng tín dụng số TNN20150410/HĐTD ngày 13/7/2015 và số TNN20160051/HĐTD ngày 30/01/2016 là: 1.128.589.294 đ (Một tỷ một trăm hai mươi tám triệu năm trăm tám chín nghìn hai trăm chín tư đồng), bao gồm: 743.947.376 đ nợ gốc và 384.641.918 đ nợ lãi tính đến hết ngày 15/5/2020 (gồm lãi trong hạn 208.080.851đ, quá hạn 176.561.067đ), (theo bản kê chi tiết mà người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn nộp tại phiên tòa).

- Bà Nguyễn Thị N tiếp tục phải trả nợ lãi phát sinh trên dư nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất thỏa thuận tại hai hợp đồng tín dụng trên kể từ ngày 16/5/2020 cho đến khi thanh toán xong nợ.

- Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, bà Nguyễn Thị N không thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản nợ nêu trên và lãi phát sinh thì Ngân hàng TMCP K Việt Nam có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án tiến hành kê biên, phát mại tài sản bảo đảm của khoản vay là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với thửa đất số 01, tờ bản đồ số 01, diện tích 635 m2, tại địa chỉ: thôn 3, xã H, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh để thu hồi nợ.

- Toàn bộ số tiền thu được từ việc bán/xử lý tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của bà Nguyễn Thị N đối với Ngân hàng. Nếu số tiền thu được từ bán/xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì bà Nguyễn Thị N vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho Ngân hàng TMCP K Việt Nam.

Tại bản tự khai ngày 12/9/2019, bị đơn bà Nguyễn Thị N trình bày: bà có ký 2 hợp đồng tín dụng với Ngân hàng TMCP K Việt Nam là: hợp đồng số TNN20150410/HĐTD ngày 13/7/2015, số tiền vay 630.000.000đ mục đích vay: hộ kinh doanh vay món, thời hạn vay 84 tháng và hợp đồng số TNN20160051/HĐTN dụng ngày 30/01/2016, số tiền vay 282.000.000đ, mục đích vay mua ô tô thời hạn vay 60 tháng. Tài sản chế chấp là 01 ô tô và 01 thửa đất 635m2 tại thôn 3 H, Đ. Do kinh doanh không thuận lợi nên bà N không trả được nợ như cam kết tại hợp đồng.

Nay Ngân hàng TMCP K Việt Nam khởi kiện, quan điểm của bà N đề nghị: do công việc khó khăn nên bà N chưa có thời gian kiểm tra được số tiền bà đã trả cho Ngân hàng, tại phiên hòa giải bà sẽ kiểm tra và sẽ có lịch cụ thể để trả nợ Ngân hàng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H có quan điểm tại phiên tòa: Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với việc chấp hành pháp luật của đương sự: nguyên đơn đã thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng còn bị đơn chưa thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đúng với các quy định của pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi thảo luận và nghị án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Xác định thẩm quyền giải quyết vụ án là Tòa án nhân dân thành phố H, thụ lý vụ án theo quy định tại điều 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn là "tranh chấp hợp đồng tín dụng", các hợp đồng tín dụng được ký vào ngày 13/7/2015; 30/01/2016 là trước ngày Bộ luật dân sự 2015 có hiệu lực, hợp đồng đang được thực hiện nhưng có nội dung và hình thức phù hợp với quy định của Bộ luật này. Căn cứ vào điều 688 Bộ luật dân sự 2015, Tòa án áp dụng Bộ luật dân sự 2015 để giải quyết tranh chấp.

[3] Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ và lời khai của các đương sự đã thể hiện:

1- Ngày 13/7/2015 Ngân hàng TMCP K Việt Nam đã ký hợp đồng tín dụng số TNN20150410/HĐTD với bà Nguyễn Thị N, số tiền vay 630.000.000đ, mục đích vay: hộ kinh doanh vay món, thời hạn vay 84 tháng, ngày 14/7/2015 đã giải ngân số tiền 630.000.000đ.

Để đảm bảo cho hợp đồng tín dụng trên, hai bên đã ký hợp đồng thế chấp số công chứng: 1147.2015/HĐGD Quyển số 02 ngày 14/7/2015 tại Văn phòng Công chứng Đ, tỉnh Quảng Ninh đối với quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đã được cấp giấy chứng nhận số BX 182068, số vào sổ cấp GCN: CH 01755 do UBND thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 26/6/2015 mang tên Nguyễn Thị N.

2- Ngày 30/01/2016 Ngân hàng TMCP K Việt Nam ký tiếp hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số TNN20160051/HĐTD với bà Nguyễn Thị N số tiền vay 282.000.000đ, mục đích vay mua ô tô, thời hạn vay 60 tháng.

Hai bên đã ký hợp đồng thế chấp tài sản đảm bảo số TTNN20160052 ngày 30/01/2016 để đảm bảo cho số tiền vay. Tài sản đảm bảo là 01 xe ô tô nhãn hiệu TMT KM7560T, giấy đăng ký do phòng Cảnh sát giao thông công an tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 28/01/2016 mang tên Nguyễn Thị N.

Các hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp đều tuân thủ theo các quy định của pháp luật nên có giá trị pháp lý.

Như vậy, căn cứ vào các điều khoản của 2 hợp đồng tín dụng số TNN20150410/HĐTD và số TNN20160051/HĐTD và căn cứ vào Bộ luật dân sự

quy định về hợp đồng vay tài sản, thì bên vay phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi cho bên cho vay theo đúng thỏa thuận.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, dư nợ của 2 khoản vay cũng bị chuyển sang nợ quá hạn theo thỏa thuận tại các điều khoản của hợp đồng tín dụng.

Tòa án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo về phiên hòa giải lần 2 và giấy triệu tập đến phiên tòa nhiều lần. Tuy nhiên bà N đều vắng mặt không có lý do nên việc hòa giải giữa nguyên đơn và bị đơn không tiến hành được.

Ngày 15/01/2020 Tòa án đã tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ đối với tài sản thế chấp là thửa đất số 01 tờ bản đồ số 01 xã H, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BX 182068, số vào sổ cấp GCN: CH 01755 do UBND thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 26/6/2015 mang tên Nguyễn Thị N. Qua việc xem xét thẩm định đã xác định được thửa đất trên đã được thay đổi thành số 20 tờ bản đồ địa chính 38 xã H có địa chỉ tại thôn 3 xã H, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn phải trả toàn bộ tiền gốc + lãi tính đến hết ngày 15/5/2020 và lãi phát sinh trên số nợ gốc theo mức lãi xuất thỏa thuận trong 2 hợp đồng tín dụng đến khi bị đơn thanh toán xong toàn bộ số nợ.

Xét thấy bị đơn đã vi phạm các nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn, nên nguyên đơn có quyền chấm dứt hợp đồng và khởi kiện đến Tòa án yêu cầu bị đơn phải trả toàn bộ số nợ gốc kể cả phần chưa đến hạn và lãi trong hạn, lãi quá hạn theo các điều khoản hai bên đã thỏa thuận tại 2 hợp đồng tín dụng đã ký kết và các thỏa thuận đó phù hợp với quy định tại 357, 466, 468 Bộ luật dân sự và Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng. Bị đơn có bản khai xác nhận số nợ với nguyên đơn theo 2 hợp đồng tín dụng phù hợp với đơn khởi kiện nhưng không có quan điểm về việc giải quyết vụ án nên không có căn cứ để xem xét.

Theo bảng tính lãi đến hết ngày 15/5/2020 của Ngân hàng TMCP K Việt Nam: mức lãi trong hạn và lãi quá hạn mà nguyên đơn áp dụng để tính lãi đối với bị đơn không vượt quá quy định tại điều 466, 468 của Bộ luật dân sự.

Đồng thời nguyên đơn chỉ yêu cầu được quyền xử lý 01 tài sản đảm bảo theo hợp đồng thế chấp ngày 14/7/2015 trong trường hợp bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Còn đối với tài sản thế chấp là 01 xe ô tô đã được giải quyết xong theo trình tự bán đấu giá để trả nợ, nên nguyên đơn không yêu cầu giải quyết. Nếu sau này các bên có tranh chấp về thủ tục đấu giá hoặc các vấn đề có liên quan đến xử lý tài sản thế chấp nói trên thì được quyền yêu cầu giải quyết bằng vụ án khác theo đúng trình tự quy định của pháp luật.

Như vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn phải trả toàn bộ số nợ gốc, tiền lãi trong hạn và tiền lãi quá hạn là có căn cứ theo quy định của pháp luật, nên được chấp nhận.

Về chi phí tố tụng: nguyên đơn đã tự nguyện nộp toàn bộ tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ đối với tài sản đảm bảo và không yêu cầu bị đơn phải trả chi phí tố tụng, do vậy không đề cập giải quyết.

[4] Về án phí: bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm trên số tiền phải trả cho nguyên đơn.

Nguyên đơn được chấp nhận yêu cầu khởi kiện nên được trả lại toàn bộ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 147, 227, 228, 271, 273, 266 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 280, 282, 351, 352, 353, 357, 466, 468 Bộ luật dân sự; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Chấm dứt hợp đồng tín dụng số TNN20150410/HĐTD ngày 13/7/2015 và hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số TNN20160051/HĐTD ngày 30/01/2016 ký giữa Ngân hàng TMCP K Việt Nam và bà Nguyễn Thị N.

- Bị đơn bà Nguyễn Thị N có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP K Việt Nam số tiền nợ theo hợp đồng tín dụng số TNN20150410/HĐTD ngày 13/7/2015 và hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số TNN20160051/HĐTD ngày 30/01/2016 ký giữa Ngân hàng TMCP K Việt Nam và bà Nguyễn Thị N, gồm nợ gốc và nợ lãi tính đến hết ngày 15/5/2020, cụ thể:

Nợ gốc: 743.947.376 đ

Nợ lãi trong hạn: 208.080.851 đ

Nợ lãi quá hạn: 176.561.067 đ

Tổng gốc và lãi =1.128.589.294đ (Một tỷ một trăm hai mươi tám triệu năm trăm tám chín nghìn hai trăm chín tư đồng).

Kể từ ngày 16/5/2020 (là ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm), bà Nguyễn Thị N còn phải trả tiền lãi phát sinh trên số nợ gốc, theo mức lãi suất hai bên đã thỏa thuận trong 2 hợp đồng tín dụng trên đến khi bà Nguyễn Thị N thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ.

Tài sản đảm bảo là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với thửa đất số 01, tờ bản đồ số 01 (đã đổi thành thửa số 20 tờ bản đồ số 38), tại địa chỉ: thôn 3, xã H, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BX 182068, số vào sổ cấp GCN: CH 01755 do UBND thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 26/6/2015 mang tên Nguyễn Thị N.

Trong trường hợp bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì nguyên đơn có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự phát mại tài sản đảm bảo để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Bị đơn phải chịu 45.857.000đ (Bốn mươi lăm triệu tám trăm năm mươi bẩy nghìn đồng) án phí sơ thẩm.

Trả lại nguyên đơn toàn bộ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 01500 ngày 23/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh
- Viện kiểm sát nhân dân TP H
- Chi cục Thi hành án dân sự TP H
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ + VP

THAY MẶT HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đặng Mai Lan